

Số: 268/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ  
lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng và Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ có hiệu lực.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Sở KHCN các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (KSTTHC), NEAC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Hoàng Phương**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ**  
**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 268 /QĐ-BKH-CN ngày 20 tháng 5 năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>			
1	Cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
3	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
5	Thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1	1.000786	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
2	1.000632	Thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin,	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		chữ ký số công cộng.		điện tử	nghệ
3	1.000776	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do bị mất hoặc bị hư hỏng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	1.000765	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do hết hạn.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
5	2.001760	Cấp chứng thư số cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	2.002177	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	1.002702	Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
8	2.001133	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
9	1.005447	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		an toàn cho chữ ký số chuyên dùng.		thông tin, điện tử	nghệ
10	1.002691	Thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
11	2.001126	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
12	1.002683	Cấp giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
13	1.002987	Thay đổi nội dung giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
14	1.004265	Cấp lại giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài tại Việt Nam.	Nghị định số 23/2025/NĐ-CP	Công nghệ thông tin, điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn

<p>Trình tự thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia).</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) gửi thông báo và nêu rõ lý do.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;</li> <li>+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến phối hợp thẩm tra, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm tra, đánh giá thực tế hệ thống thông tin tạo lập và cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn cho cơ quan, tổ chức.</li> </ul> </li> <li>Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</li> </ul>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> </ul> <p>(Địa chỉ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia: Số 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ</li> </ul>

	công quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ ( <a href="https://dichvucong.mst.gov.vn">https://dichvucong.mst.gov.vn</a> ).
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao hợp lệ, bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản chính của một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về cơ cấu, tổ chức hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp.</li> <li>- Điều lệ hoạt động, văn bản quy định về cơ cấu, tổ chức; về hình thức liên kết, hoạt động chung để chứng minh việc sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản chứng minh việc tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn đáp ứng đủ các yêu cầu tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Quy chế chứng thực theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> </ul> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Ba mươi lăm (35) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan, tổ chức.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.

Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp/cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn. Mẫu số 03 - Văn bản chứng minh việc tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau: - Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu; - Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chuyên dùng chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận; - Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chuyên dùng chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký; - Hiệu lực của chữ ký điện tử chuyên dùng có thể được kiểm tra theo điều kiện do các bên tham gia thỏa thuận.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Giao dịch điện tử năm 2023. - Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. - Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP/CẤP LẠI CHỨNG NHẬN CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**  
**CHUYÊN DÙNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;*

*(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp/cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn với các nội dung sau:*

**Phần 1. Thông tin chung về cơ quan, tổ chức**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Quyết định thành lập/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ số ... do... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có).
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:



6. Địa chỉ trụ sở chính:

7. Điện thoại:

**Phần 2. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng hồ sơ)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

**Phần 3. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký điện tử và pháp luật có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN CHỨNG MINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỮ KÝ  
ĐIỆN TỬ CHUYÊN DÙNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;***Phần 1. Thông tin chung về cơ quan, tổ chức**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Quyết định thành lập/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có).
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:

**Phần 2. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng tài liệu)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Mô tả chi tiết và quy trình vận hành hệ thống thông tin tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng		
2	Danh sách nhân lực quản lý và kỹ thuật tham gia vận hành hệ thống thông tin thực tế kèm theo phân công vị trí đảm nhận		
3	Mô tả việc đáp ứng đủ các yêu cầu tại khoản 2 Điều 22 Luật Giao dịch điện tử		
4	Tình hình tuân thủ quy định pháp luật của cơ quan/tổ chức (đối với trường hợp cấp lại)		
5	Quy chế chứng thực (đối với trường hợp chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký điện tử)		
6	Các thay đổi về hệ thống thông tin trong quá trình hoạt động (đối với trường hợp cấp lại)		
7	Kết quả kiểm toán kỹ thuật lần gần nhất (nếu có)		
8	Các tài liệu khác (nếu có)		
...			

### Phần 3. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký điện tử và pháp luật có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

## 2. Cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ quan, tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia).</li><li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.</li><li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) gửi thông báo và nêu rõ lý do.</li><li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.</li><li>+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến phối hợp thẩm tra, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm tra, đánh giá thực tế hệ thống thông tin tạo lập và cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn cho cơ quan, tổ chức.</li></ul></li></ul> <p>Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;</li><li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li></ul> <p>(Địa chỉ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia: Số 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Cổng</li></ul>

	<p>dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (<a href="https://dichvucong.mst.gov.vn">https://dichvucong.mst.gov.vn</a>).</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn do hết hạn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</p> <p>b) Văn bản chứng minh việc tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn đáp ứng đủ các yêu cầu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</p> <p>c) Những thông tin thay đổi trong hồ sơ đề nghị cấp quy định tại các điểm b, c, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ, bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản chính của một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, quyết định thành lập hoặc văn bản quy định về cơ cấu, tổ chức hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp;</li> <li>- Điều lệ hoạt động, văn bản quy định về cơ cấu, tổ chức; về hình thức liên kết, hoạt động chung để chứng minh việc sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn theo khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Quy chế chứng thực theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> </ul> <p>d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy chứng nhận kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Ba mươi lăm (35) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan, tổ chức.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu 01 - Đơn đề nghị cấp/cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn. Mẫu số 03 - Văn bản chứng minh việc tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn. Mẫu số 08 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy chứng nhận/giấy phép.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau: - Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu; - Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chuyên dùng chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận; - Dữ liệu tạo chữ ký điện tử chuyên dùng chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký; - Hiệu lực của chữ ký điện tử chuyên dùng có thể được kiểm tra theo điều kiện do các bên tham gia thỏa thuận.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Giao dịch điện tử năm 2023. - Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. - Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP/CẤP LẠI CHỨNG NHẬN CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**  
**CHUYÊN DÙNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;*

*(Tên cơ quan, tổ chức) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp/cấp lại chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn với các nội dung sau:*

**Phần 1. Thông tin chung về cơ quan, tổ chức**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Quyết định thành lập/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ số ... do... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có).
4. Tên người đại diện theo pháp luật:

5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:

6. Địa chỉ trụ sở chính:

7. Điện thoại:

**Phần 2. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng hồ sơ)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

**Phần 3. Cam kết**

(Tên cơ quan, tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký điện tử và pháp luật có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):



Mẫu số 03

---

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN CHỨNG MINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỮ KÝ  
ĐIỆN TỬ CHUYÊN DÙNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;*

**Phần 1. Thông tin chung về cơ quan, tổ chức**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Quyết định thành lập/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có).

4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:

**Phần 2. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng tài liệu)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Mô tả chi tiết và quy trình vận hành hệ thống thông tin tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng		
2	Danh sách nhân lực quản lý và kỹ thuật tham gia vận hành hệ thống thông tin thực tế kèm theo phân công vị trí đảm nhận		
3	Mô tả việc đáp ứng đủ các yêu cầu tại khoản 2 Điều 22 Luật Giao dịch điện tử		
4	Tình hình tuân thủ quy định pháp luật của cơ quan/tổ chức (đối với trường hợp cấp lại)		
5	Quy chế chứng thực (đối với trường hợp chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký điện tử)		
6	Các thay đổi về hệ thống thông tin trong quá trình hoạt động (đối với trường hợp cấp lại)		
7	Kết quả kiểm toán kỹ thuật lần gần nhất (nếu có)		
8	Các tài liệu khác (nếu có)		
...			

### Phần 3. Cam kết

(Tên cơ quan, tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký điện tử và pháp luật có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

Mẫu số 08

TÊN DOANH NGHIỆP/  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

## I. THÔNG TIN VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN/GIẤY PHÉP

Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy/Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn số ... do... cấp ngày... tháng... năm ...

## II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY CHỨNG NHẬN/GIẤY PHÉP

**Đối với Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn**

1. Phạm vi đã cung cấp chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn
2. Thống kê số lượng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn được tạo lập
3. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn về chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn
4. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong cơ quan, tổ chức.

**Đối với Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy**

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ
2. Thống kê số người sử dụng dịch vụ, thị phần, doanh thu
3. Hợp đồng sử dụng dịch vụ

4. Giá cước

5. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

6. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

7. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về tài liệu (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

### 3. Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

<p>Trình tự thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký một hoặc các dịch vụ tin cậy chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia).</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) gửi thông báo và nêu rõ lý do.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan;</li> <li>+ Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;</li> <li>+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến phối hợp thẩm tra, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm tra và cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy. Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</li> </ul> </li> </ul>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> </ul> <p>(Địa chỉ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia: Số 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Cổng</li> </ul>

	<p>dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (<a href="https://dichvucong.mst.gov.vn">https://dichvucong.mst.gov.vn</a>).</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, trong đó nêu rõ loại hình dịch vụ tin cậy sẽ kinh doanh;</p> <p>b) Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản chính của một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>c) Văn bản chứng minh đáp ứng được các điều kiện về tài chính quy định khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</p> <p>d) Hồ sơ nhân lực quản lý và kỹ thuật gồm: lý lịch tư pháp, bản sao có chứng thực bằng đại học trở lên của đội ngũ nhân lực quản lý và kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP, bản mô tả về công việc và kinh nghiệm đã có tương ứng với vị trí nhân lực quản lý và kỹ thuật, hợp đồng lao động và quyết định phân công;</p> <p>đ) Phương án kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ phù hợp với từng loại dịch vụ tin cậy nhằm bảo đảm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 18 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</p> <p>e) Quy chế chứng thực theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Bốn mươi chín (49) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy. Mẫu số 07 - Báo cáo triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p>Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.</li> <li>2. Điều kiện tài chính để giải quyết rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ và thanh toán chi phí tiếp nhận, duy trì cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ; doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện một trong các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam áp dụng cho một hoặc các dịch vụ tin cậy. Mức ký quỹ là 10 tỷ đồng Việt Nam cho mỗi 300 nghìn thuê bao và không thấp hơn 10 tỷ đồng Việt Nam, với điều kiện doanh nghiệp không được thu tiền trả trước quá 01 năm từ thuê bao;</li> <li>b) Mua bảo hiểm trách nhiệm, thiệt hại đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy để bảo đảm quyền lợi của thuê bao trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.</li> </ol> </li> <li>3. Điều kiện nhân lực quản lý và kỹ thuật: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Nhân lực về vận hành hệ thống gồm: quản trị, vận hành, an toàn, an ninh thông tin, kiểm soát quyền ra vào, giám sát và kiểm tra, quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số, quản lý vòng đời khóa;</li> </ol> </li> </ol>

b) Nhân lực cung cấp dịch vụ gồm: kiểm toán kỹ thuật, bảo mật, cấp, tạm dừng, huỷ, cài đặt và bảo hành; xác minh danh tính thuê bao (đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu);

c) Nhân lực chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật có trình độ từ đại học trở lên về an toàn thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo;

d) Nhân lực chịu trách nhiệm về quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật, cấp, tạm dừng, huỷ, cài đặt và bảo hành, giám sát và kiểm tra, quản lý vòng đời khóa có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin hoặc gần đào tạo về công nghệ thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo.

4. Phương án kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ áp dụng chung cho các loại dịch vụ tin cậy, phải thể hiện các nội dung sau:

a) Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật về chữ ký số, chứng thư chữ ký số; dịch vụ tin cậy; an toàn thông tin mạng; an ninh mạng;

b) Lưu trữ đầy đủ, chính xác và cập nhật thông tin thuê bao; cập nhật danh sách các chứng thư chữ ký số có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi; thuê bao có thể truy cập, sử dụng Internet truy nhập trực tuyến 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần;

c) Bảo đảm mỗi cặp khóa được tạo ra ngẫu nhiên và đúng một lần duy nhất; có tính năng bảo đảm khóa bí mật không bị phát hiện khi có khóa công khai tương ứng;

d) Cảnh báo, ngăn chặn và phát hiện truy nhập bất hợp pháp trên môi trường điện tử;

đ) Thành phần quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số được thiết kế theo xu hướng giảm thiểu tối đa sự tiếp xúc trực tiếp với môi trường điện tử và độc lập với các hệ thống không phục vụ cho dịch vụ tin cậy;



e) Hệ thống thông tin phải bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng;

g) Kiểm soát sự ra vào, quyền truy nhập hệ thống, quyền ra vào nơi đặt thiết bị;

h) Dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, các quy trình thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu, có khả năng phục hồi dữ liệu chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố; trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20 kilomet và sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố;

i) Hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ đặt tại Việt Nam;

k) Quy chế chứng thực theo quy định về Quy chế chứng thực mẫu.

5. Đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, phương án kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 4 trên và bổ sung các nội dung sau:

a) Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao phải bảo đảm sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật bảo đảm không lộ thông tin trên đường truyền;

b) Giải pháp cung cấp thông tin (chứng thư chữ ký số, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định) bằng phương tiện điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

6. Đối với dịch vụ dấu thời gian và dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, phương án kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 4 trên và bổ sung các nội dung sau:

a) Nguồn thời gian theo quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia;

b) Giải pháp cung cấp thông tin (mã bảo đảm toàn vẹn thông điệp dữ liệu, sự kiện giao dịch (event log), báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định) bằng phương tiện điện

	tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Giao dịch điện tử năm 2023.</li><li>- Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.</li><li>- Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.</li></ul>

**Mẫu số 04****TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ TIN CẬY**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;**(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy với các nội dung sau:***Phần 1. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:
8. Số Fax:
9. Website:

10. Mã số thuế:

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**

Loại Giấy phép đề nghị được cấp phép

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ ... <sup>1</sup>

Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng...

2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ ... <sup>2</sup>

Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng...

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng hồ sơ)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về dịch vụ tin cậy và pháp luật có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

<sup>1</sup> Điền tên dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.

<sup>2</sup> Điền tên dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.

**Mẫu số 07****TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO TRIỂN KHAI  
HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN CẬY**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ  
(Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia)

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;*

**Phần 1. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:
8. Số Fax:
9. Website:
10. Mã số thuế:

## Phần 2. Mô tả tóm tắt về giấy phép

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy được cấp:

Giấy phép số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Tên dịch vụ tin cậy đề nghị cấp chứng thư chữ ký số:

3. Tên của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy đề nghị ghi trên chứng thư chữ ký số:

## Phần 3. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng tài liệu)

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Kết quả triển khai hệ thống thông tin thực tế		
2	Hồ sơ nhân lực quản lý và kỹ thuật, hợp đồng (bản sao)		
3	Danh sách và phân công nhân lực quản lý và kỹ thuật		
4	Dự thảo kịch bản lễ tạo khóa		
5	Danh sách thiết bị trong hệ thống thông tin được gắn mã quản lý		
6	Kết quả kiểm toán kỹ thuật lần gần nhất (Đối với trường hợp đã có chứng thư chữ ký số và đang cung cấp dịch vụ)		
7	Tình hình tuân thủ quy định pháp luật của doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại)		
8	Các quy trình vận hành hệ thống thông tin thực tế		
9	Quy chế chứng thực		

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
10	Các thay đổi về hệ thống thông tin khi triển khai thực tế (nếu có)		
11	Các tài liệu khác (nếu có)		
...			

#### **Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chữ ký số, dịch vụ tin cậy và pháp luật có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

#### 4. Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Tối thiểu 90 ngày trước ngày giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hết hạn, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy theo quy định đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) gửi thông báo và nêu rõ lý do.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ với Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan;</li> <li>+ Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp thẩm tra hồ sơ, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;</li> <li>+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến phối hợp thẩm tra, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm tra hồ sơ và cấp lại giấy phép dựa trên việc đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP và đánh giá thực tế kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ tin cậy.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> </ul>



	<p>(Địa chỉ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia: Số 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).</p> <p>- Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (<a href="https://dichvucong.mst.gov.vn">https://dichvucong.mst.gov.vn</a>).</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép cũ hết hạn theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Văn bản chứng minh đáp ứng được các điều kiện về tài chính quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</li> <li>- Những thông tin về việc thay đổi của doanh nghiệp liên quan đến điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 29 Luật Giao dịch điện tử (nếu có);</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> </ul> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<p>Mẫu 05 - Đơn đề nghị thay đổi nội dung/cấp lại/gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.</p> <p>Mẫu 08 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy chứng nhận/giấy phép.</p>

<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)</p>	<p>Điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam;</li> <li>2. Điều kiện tài chính để giải quyết rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ và thanh toán chi phí tiếp nhận, duy trì cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ; doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện một trong các hình thức sau:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam áp dụng cho một hoặc các dịch vụ tin cậy. Mức ký quỹ là 10 tỷ đồng Việt Nam cho mỗi 300 nghìn thuê bao và không thấp hơn 10 tỷ đồng Việt Nam, với điều kiện doanh nghiệp không được thu tiền trả trước quá 01 năm từ thuê bao;</li> <li>b) Mua bảo hiểm trách nhiệm, thiệt hại đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tin cậy để bảo đảm quyền lợi của thuê bao trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.</li> </ol> </li> <li>3. Điều kiện nhân lực quản lý và kỹ thuật:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Nhân lực về vận hành hệ thống gồm: quản trị, vận hành, an toàn, an ninh thông tin, kiểm soát quyền ra vào, giám sát và kiểm tra, quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số, quản lý vòng đời khóa;</li> <li>b) Nhân lực cung cấp dịch vụ gồm: kiểm toán kỹ thuật, bảo mật, cấp, tạm dừng, huỷ, cài đặt và bảo hành; xác minh danh tính thuê bao (đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu);</li> <li>c) Nhân lực chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật có trình độ từ đại học trở lên về an toàn thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo;</li> <li>d) Nhân lực chịu trách nhiệm về quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật, cấp, tạm dừng, huỷ, cài đặt và bảo hành, giám sát và kiểm tra, quản lý vòng đời khóa có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin hoặc gần đào tạo</li> </ol> </li> </ol>
---	--

về công nghệ thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo.

4. Phương án kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ áp dụng chung cho các loại dịch vụ tin cậy, phải thể hiện các nội dung sau:

a) Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật về chữ ký số, chứng thư chữ ký số; dịch vụ tin cậy; an toàn thông tin mạng; an ninh mạng;

b) Lưu trữ đầy đủ, chính xác và cập nhật thông tin thuê bao; cập nhật danh sách các chứng thư chữ ký số có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi; thuê bao có thể truy cập, sử dụng Internet truy nhập trực tuyến 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần;

c) Bảo đảm mỗi cặp khóa được tạo ra ngẫu nhiên và đúng một lần duy nhất; có tính năng bảo đảm khóa bí mật không bị phát hiện khi có khóa công khai tương ứng;

d) Cảnh báo, ngăn chặn và phát hiện truy nhập bất hợp pháp trên môi trường điện tử;

đ) Thành phần quản lý vòng đời chứng thư chữ ký số được thiết kế theo xu hướng giảm thiểu tối đa sự tiếp xúc trực tiếp với môi trường điện tử và độc lập với các hệ thống không phục vụ cho dịch vụ tin cậy;

e) Hệ thống thông tin phải bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 3 và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng và an ninh mạng;

g) Kiểm soát sự ra vào, quyền truy nhập hệ thống, quyền ra vào nơi đặt thiết bị;

h) Dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, các quy trình thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu, có khả năng phục hồi dữ liệu chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố; trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20 kilomet và sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố;

i) Hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ đặt tại Việt Nam;

	<p>k) Quy chế chứng thực theo quy định về Quy chế chứng thực mẫu.</p> <p>5. Đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, phương án kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 4 trên và bổ sung các nội dung sau:</p> <p>a) Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao phải bảo đảm sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật bảo đảm không lộ thông tin trên đường truyền;</p> <p>b) Giải pháp cung cấp thông tin (chứng thư chữ ký số, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định) bằng phương tiện điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước.</p> <p>6. Đối với dịch vụ dấu thời gian và dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, phương án kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 4 trên và bổ sung các nội dung sau:</p> <p>a) Nguồn thời gian theo quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia;</p> <p>b) Giải pháp cung cấp thông tin (mã bảo đảm toàn vẹn thông điệp dữ liệu, sự kiện giao dịch (event log), báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định) bằng phương tiện điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao dịch điện tử năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.</li> <li>- Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.</li> </ul>

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG/CẤP LẠI/GIA HẠN  
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ TIN CẬY**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;**(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thay đổi nội dung Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm, cụ thể như sau:***Phần 1. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:
8. Số Fax:

9. Website:

10. Mã số thuế:

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị thay đổi nội dung giấy phép/cấp lại/gia hạn**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy đề nghị thay đổi nội dung/cấp lại/gia hạn:

Giấy phép số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do thay đổi/cấp lại/gia hạn:

3. Nội dung đề nghị thay đổi/cấp lại/gia hạn:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng hồ sơ)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về dịch vụ tin cậy và pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

Mẫu số 08

TÊN DOANH NGHIỆP/  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

## I. THÔNG TIN VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN/GIẤY PHÉP

Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy/Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn số ... do...cấp ngày...tháng...năm ...

## II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY CHỨNG NHẬN/GIẤY PHÉP

**Đối với Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn**

1. Phạm vi đã cung cấp chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn
2. Thống kê số lượng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn được tạo lập
3. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn về chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn
4. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong cơ quan, tổ chức.

**Đối với Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy**

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ
2. Thống kê số người sử dụng dịch vụ, thị phần, doanh thu
3. Hợp đồng sử dụng dịch vụ

4. Giá cước

5. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

6. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

7. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về tài liệu (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):



## 5. Thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

<p>Trình tự thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp có thay đổi một trong các thông tin về địa chỉ trụ sở, tên giao dịch, doanh nghiệp phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia).</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) gửi thông báo vào nêu rõ lý do.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm tra, cấp giấy phép cho doanh nghiệp với các nội dung thay đổi.</li> </ul> </li> <li>Trường hợp từ chối cấp, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn của giấy phép thay đổi là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp.</li> </ul>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> </ul> <p>(Địa chỉ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia: Số 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (<a href="https://dichvucong.mst.gov.vn">https://dichvucong.mst.gov.vn</a>).</li> </ul>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi nội dung giấy phép theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP;</li> </ul>

	<p>- Báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị thay đổi và các tài liệu liên quan.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.
Lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu 05 - Đơn đề nghị thay đổi nội dung/cấp lại/gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao dịch điện tử năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.</li> <li>- Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.</li> </ul>

**Mẫu số 05****TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG/CẤP LẠI/GIA HẠN  
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ TIN CẬY**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;**(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thay đổi nội dung Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm, cụ thể như sau:***Phần 1. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:
8. Số Fax:

9. Website:

10. Mã số thuế:

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị thay đổi nội dung giấy phép/cấp lại/gia hạn**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy đề nghị thay đổi nội dung/cấp lại/gia hạn:

Giấy phép số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do thay đổi/cấp lại/gia hạn:

3. Nội dung đề nghị thay đổi/cấp lại/gia hạn:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng hồ sơ)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về dịch vụ tin cậy và pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

## 6. Gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy

<p>Trình tự thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy còn ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn nhưng đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và không bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh dịch vụ tin cậy trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia).</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) gửi thông báo và nêu rõ lý do.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép gia hạn theo quy định.</li> </ul> <p>Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia) thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn của giấy phép gia hạn không quá 01 năm kể từ ngày giấy phép hết hạn.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính;</li> </ul> <p>(Địa chỉ Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia: Số 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (<a href="https://dichvucong.mst.gov.vn">https://dichvucong.mst.gov.vn</a>).</li> </ul>

Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy của doanh nghiệp do giấy phép cũ hết hạn theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Văn bản chứng minh đáp ứng được các điều kiện về tài chính quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp mới theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2025/NĐ-CP.</li> </ul> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<p>Mẫu 05 - Đơn đề nghị thay đổi nội dung/cấp lại/gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.</p> <p>Mẫu 08 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy chứng nhận/giấy phép.</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao dịch điện tử năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.</li> </ul>

	<p>- Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.</p>
--	--

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG/CẤP LẠI/GIA HẠN  
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ TIN CẬY**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;**(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ thay đổi nội dung Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm, cụ thể như sau:***Phần 1. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tên giao dịch:
2. Tên giao dịch quốc tế:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...
4. Tên người đại diện theo pháp luật:
5. Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại:
8. Số Fax:



9. Website:

10. Mã số thuế:

**Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị thay đổi nội dung giấy phép/cấp lại/gia hạn**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy đề nghị thay đổi nội dung/cấp lại/gia hạn:

Giấy phép số ... do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do thay đổi/cấp lại/gia hạn:

3. Nội dung đề nghị thay đổi/cấp lại/gia hạn:

**Phần 3. Tài liệu kèm theo (ghi rõ loại và số lượng hồ sơ)**

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về dịch vụ tin cậy và pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):

Mẫu số 08

TÊN DOANH NGHIỆP/  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

## I. THÔNG TIN VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN/GIẤY PHÉP

Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy/Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn số ... do...cấp ngày...tháng...năm ...

## II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY CHỨNG NHẬN/GIẤY PHÉP

**Đối với Giấy chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn**

1. Phạm vi đã cung cấp chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn
2. Thống kê số lượng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn được tạo lập
3. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn về chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn
4. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong cơ quan, tổ chức.

**Đối với Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy**

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ
2. Thống kê số người sử dụng dịch vụ, thị phần, doanh thu
3. Hợp đồng sử dụng dịch vụ

4. Giá cước

5. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

6. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

7. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Đầu mối liên hệ về tài liệu (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử):